

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 24/2026/HS-ST
Ngày: 31/3/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Quyền.

Ông Nguyễn N Thọ.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Trần Văn N - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2026 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Đắk Lắk mở phiên toà xét xử trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Bích N; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1978, tại thành phố H Nội; Số CCCD: 001178005069, cấp ngày 21/12/2022; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi cư trú: M, đường T, phường B, thành phố H Nội; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Cha: Vũ Việt G, sinh năm 1953; Mẹ: Phạm Lệ N, sinh năm 1954; anh chị em ruột: Bị cáo có 04 anh, chị em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Chồng: Trần Quốc A, sinh năm: 1970; Con: Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2025 đến ngày 16/3/2026 tại Phân trại tạm giam Buôn Hồ, Trại tạm giam số 01 Công A tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1974; Địa chỉ: thôn 9, xã E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan Văn B, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk, đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk, đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Hoài A, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk, đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Ông Trần Đức A, sinh năm 1998; Địa chỉ: T, khu phố 16, phường T, TP. Hồ Chí Minh, có mặt.

5. Ông Trần Quốc D, sinh năm 1998; Địa chỉ: T, khu phố 16, phường T, TP. Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Bích N làm người giúp việc cho gia đình bà Nguyễn Thị Thanh H. Khoảng 11 giờ ngày 11/11/2025, khi đang dọn dẹp nhà N thấy phòng thờ nhà chị H không đóng cửa nên vào bên trong xem thì thấy 01 két sắt, dưới két sắt có một chìa khóa, nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N lục tìm trong tủ thờ được chìa khóa phụ của két sắt và dùng chìa khóa phụ này để mở nắp hộp pin két sắt tháo các cục pin ra (để thoát khỏi chế độ bấm mật khẩu), sau đó dùng chìa khóa mở được két sắt. N phát hiện trong két có nhiều nhẫn vàng nhưng chỉ lấy đi 02 nhẫn vàng, mỗi nhẫn có trọng lượng 05 chỉ. Sau khi lấy được vàng thì N đóng cửa két sắt lại. Đến khoảng 14 giờ ngày 12/11/2025, N đem 01 nhẫn vàng đến tiệm vàng “V” địa chỉ thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk bán cho anh Phan Văn B được số tiền 70.250.000 đồng, số tiền này được chuyển vào số tài khoản 197819986666, Ngân Hng MB của N. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 25/11/2025, N tiếp tục mang 01 nhẫn vàng còn lại đến tiệm vàng “N Trung” địa chỉ thôn A Long, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk bán cho anh Nguyễn Đình C được số tiền 70.250.000 đồng, số tiền này được chuyển vào số tài khoản 197819986666, Ngân Hng MB của N. Số tiền bán vàng N dùng để trả nợ, tiêu xài cá nhân, hiện còn 53.415.000 đồng trong tài khoản Ngân Hàng. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 140.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐTS ngày 05/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản 1574, Ủy ban xã E, kết luận: 02 nhẫn vàng, loại 9999, có tổng trọng lượng 10 chỉ, có giá trị tại thời điểm ngày 11/11/2025 là 140.300.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 02A/CT-VKSDLK-KV, ngày 11/3/2026 của Viện Kiểm Sát Nhân Dân khu vực 8, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Vũ Bích N về tội Trộm cắp tài sản, theo điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân khu vực 8 giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Bích N phạm tội Trộm cắp tài sản, theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo Vũ Bích N từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết về phần trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ nhất để sớm hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công An tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Do đó, các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo Vũ Bích N khai nhận đã có hành vi trộm cắp 02 nhẫn vàng loại 9999, có tổng trọng lượng 10 chỉ, giá trị tại thời điểm ngày 11/11/2025 là 140.300.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thanh H. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận. Tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ Luật Hình sự quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”

[3]. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để vừa trừng trị, đồng thời cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ý thức chấp hành pháp luật.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự, bị cáo được biểu dương gương người tốt việc tốt nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

[5]. Về tình tiết tăng nặng: Không.

[6]. Đối với anh Phan Văn B và anh Nguyễn Đình C, chị Nguyễn Thị Hoài A là người mua các nhẫn vàng của bị cáo Vũ Bích N, khi mua anh B, anh C, chị A không biết đây là tài sản do bị cáo N phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không để xử lý là có căn cứ.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu bị cáo Vũ Bích N bồi thường thiệt hại 10 chỉ vàng loại 9999, không đồng ý nhận bồi thường trước số tiền 54.264.278 đồng trong tài khoản ngân hàng số 197819986666, Ngân hàng MB của bị cáo Vũ Bích N. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên cần chấp nhận. Bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại 10 chỉ vàng loại 9999.

Tiếp tục phong tỏa số tiền 54.264.278 đồng trong tài khoản ngân Hng số 197819986666, Ngân hàng MB của bị cáo Vũ Bích N để thi hành nghĩa vụ bồi thường của bị cáo cho bị hại, trong đó số tiền do phạm tội mà có bị cáo N sử dụng còn lại là 53.415.000 đồng và số tiền 849.278 đồng là tiền cá nhân, bị cáo N tự nguyện dùng để khắc phục hậu quả.

[8]. Về xử lý vật chứng: quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PRO, màu vàng, mặt lưng ốp trong suốt, số máy MGJY3LL/A, số seri DNPFC03S0D8D, số IMEI 35 510331 381102, bị cáo Vũ Bích N sử dụng để giao dịch tiền do phạm tội mà có, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 USB bên trong có chứa 02 đoạn video được trích xuất từ Camera tại nhà bà Nguyễn Thị Thanh H ghi lại nội dung bị cáo Vũ Bích N di chuyển từ nhà bà H đi bán vàng vào ngày 12/11/2025 và ngày 25/11/2025; 01 USB có chứa 03 đoạn video được trích xuất từ Camera tại tiệm vàng “V” ghi lại nội dung bị cáo N đến bán vàng vào ngày 12/11/2025; 01 USB có chứa 03 đoạn video được trích xuất từ Camera tại tiệm vàng “N” ghi lại nội dung bị cáo N đến bán vàng vào ngày

25/11/2025, là tài liệu chứng cứ của vụ án kèm theo hồ sơ vụ án cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Bích N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên xử: Bị cáo Vũ Bích N 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày từ ngày tạm giữ 02/12/2025.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thanh H 10 chỉ vàng loại 9999.

Tiếp tục phong tỏa số tiền 54.264.278 đồng trong tài khoản ngân hàng số 197819986666, Ngân hàng MB của bị cáo Vũ Bích N để thi hành nghĩa vụ bồi thường của bị cáo cho bị hại, trong đó số tiền do phạm tội mà có bị cáo N sử dụng còn lại là 53.415.000 đồng và 849.278 đồng là tiền cá nhân, bị cáo N tự nguyện dùng để khắc phục hậu quả.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PRO, màu vàng, mặt lưng ốp trong suốt, số máy MGJY3LL/A, số seri DNPFC03S0D8D, số IMEI 35 510331 381102, là điện thoại bị cáo Vũ Bích N sử dụng để giao dịch tiền do phạm tội mà có.

Về án phí: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Bích N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 4.301.786 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Vũ Bích N, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND khu vực 8, tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng hồ sơ Công A tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan thi Hành án hình sự - Công A tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Bị hại, người liên quan;
- Bộ phận thi Hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ, Văn thư.

Nguyễn Thanh Long